

Số: /QĐ - STP

Điện Biên, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi
ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2025 của Sở Tư pháp

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;

Căn cứ quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2456/QĐ-STP ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2025 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Như điều 3;
 - Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KT.

-

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Hưng

Đơn vị: Sở Tư Pháp

Chương: 414

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày 01/4/2025 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	200	60,2	-	-
1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Phí	200	60,2	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	200	60,2		
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	170	12,64	-	-
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	-	-	-
3.2	Chi quản lý hành chính	170	12,64	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	170	12,64		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
4	Chi hoạt động khác	-	-		
5	Số phí, lệ phí nộp NSNN	158	47,56	-	-
3.2	Phí	30	9,03	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	30	9,03		
3.3	Phải trích nộp khác	128	38,5	-	-
6	Chi khác	-	-		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.293,4	2.484,0	-	-
1	Chi quản lý hành chính	11.293,4	2.384,0	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.758,0	2.150,0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.275,8	234,0		
11	Chi Chương trình mục tiêu	259,6	100,0	-	-
1	Chi Chương trình mục tiêu	259,6	100,0		

1.1	Chương trình xây dựng nông thôn mới	150,0	100,0	-	
1.1.1	Nội dung 4 - thành phần 8; Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.	150,0	100		
1.2	Chương trình MTQGPTKTXH vùng đồng bào DTTS và MN	109,6			
1.2.1	Dự án 10-Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến GDPL, TGPL và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.	109,6			

Đơn vị: Sở Tư Pháp

Chương: 414

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày 01/4/2025 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.100	290,2	-	-
1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Phí	1.100	290,2	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	200	60,2		
	Phí công chứng	900	230,0		
2	Thu khác	-	-	-	-
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	710	150,64	-	-
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế	540	138,0	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	540	138,0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.2	Chi quản lý hành chính	170	12,64	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	170	12,64		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
4	Chi hoạt động khác	-	-		
5	Số phí, lệ phí nộp NSNN	390	140	-	-
3.2	Phí	390	101,0	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	30	9,0		
	Phí công chứng	360	92,0		
3.3	Phải trích nộp khác	-	38,5	-	-
6	Chi khác	-	-		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.251,4	4.745	-	-
1	Chi quản lý hành chính	11.033,8	2.343	-	-

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.758,0	1.805,0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.275,8	538,0		
6	Chi hoạt động kinh tế	8.808,0	2.202	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.993,0	1.248		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.815,0	954		
11	Chi Chương trình mục tiêu	409,6	200,0		
1	Chi Chương trình mục tiêu	409,6	200,0	-	
1.1	Chương trình xây dựng nông thôn mới	300,0	200,0	-	
1.1.1	Nội dung 4 - thành phần 8; Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.	150	100		
1.1.2	Nội dung 5 - thành phần 8; Nâng cao nhận thức thông tin về trợ giúp pháp lý, tăng cường khả năng tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý	150	100		
1.2	Chương trình MTQGPTKTXH vùng đồng bào DTTS và MN	109,6			
1.2.1	Dự án 10-Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến GDPL, TGPL và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.	109,6			